# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

# Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN

# ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

## 1. Thông tin về Dự án

## 1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: **"Điều chỉnh nâng công suất khai thác mỏ cát lòng sông Hồng thuộc địa phận xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ”.**

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ.

- Tên chủ Dự án: Công ty Cổ phần Đại Bảo Phú Thọ.

- Người đại diện: Đào Huy Hoàn Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Biệt thự số 23-TT3, Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, đường Phạm Văn Đồng, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0983.048.666

- Giấy đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 2600916768, đăng ký lần đầu 05/05/2014, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 28/02/2023; Cơ quan cấp: phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội.

## 1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi không gian: Tổng mặt bằng dự án là 19,9 ha.

- Phạm vi thời gian: 5,28 tháng (để đảm bảo cung cấp đủ khối lượng cát, thời gian cung cấp theo tiến độ xây dựng “Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cao – TT09 tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội của Bộ Công an”).

- Công suất khai thác: 70.000 m3/tháng (để đảm bảo cung cấp đủ khối lượng cát, thời gian cung cấp theo tiến độ xây dựng “Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cao – TT09 tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội của Bộ Công an”).

- Cốt kết thúc khai thác: +2,0m.

## 1.3. Công nghệ khai thác (CNKT)

Khai thác mỏ lộ thiên sử dụng tàu hút khai thác cát và vận chuyển bằng sà lan đến nơi tiêu thụ, quãng đường vận chuyển trung bình khoảng 9 km.

### 1.4. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1. *Các hạng mục công trình*

Tại khu vực khai thác của dự án không bố trí các công trình xây dựng. Công ty chỉ đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ khai thác, gồm: tàu hút 730 m3/h (08 tàu sử dụng khai thác, 02 tàu dự phòng); Sà lan tự hành 150 ÷ 250 tấn (12 chiếc sử dụng, 03 chiếc dự phòng).

1. *Các hoạt động của dự án*

- Khai thác cát làm vật liệu xây dựng thông thường bằng tàu hút bụng tự hành.

- Vận chuyển cát bằng sà lan đến nơi tiêu thụ chiều dài quãng đường vận chuyển khoảng 9,0 km.

- Cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

## 1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có hoạt động khai thác khoáng sản trên sông Hồng, hoạt động khai thác ảnh hưởng đến nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Khi thực hiện dự án chủ đầu tư phải có biện pháp quản lý chất thải triệt để, để không gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sông Hồng.

### 2. Các nội dung tham vấn

## 2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

**(1) Mô tả, vị trí, ranh giới dự án, việc chiếm dụng các loại đất khác nhau**

Khu mỏ thuộc địa phận xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ nay là xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ cách thành phố Việt Trì 6 km về phía Đông Bắc. Tổng diện tích khu mỏ là 19,9 ha được giới hạn bởi các điểm khép góc 5, 6, 7, 8. Chi tết được thể hiện bảng sau:

**Bảng 1. Toạ độ ranh giới khu vực khai thác và phụ trợ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực, địa phận** | **Điểm góc** | **Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 104o 45' múi chiếu 3o** | | **Diện tích** |
| **X(m)** | **Y(m)** | **19,9 ha** |
| **Khu vực khai thác mỏ - thuộc địa phận xã Vĩnh Lại** | 5 | 2354273,00 | 562222,00 |
| 6 | 2353662,00 | 562147,00 |
| 7 | 2353625,00 | 562472,00 |
| 8 | 2354236,00 | 562540,00 |

A map of a river and land

AI-generated content may be incorrect.

Vị trí Dự án

Hình 1. Vị trí khu vực khai thác mỏ cát lòng sông Hồng

**(1) Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước**

a. Đặc điểm địa hình

Khu mỏ nằm trong lòng sông Hồng thuộc địa phận xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Cát được thành tạo do tích tụ dòng chảy của sông, tạo nên các bãi bồi thấp, kéo dài không liên tục, vào mùa mưa lũ thường nằm chìm dưới mặt nước, vào mùa khô cạn đôi chỗ thân cát nhô cao hơn mặt nước từ 1 đến 1,5m, kéo dài 500-600m.

Xung quanh khu mỏ địa hình chủ yếu là các dải địa hình khá bằng phẳng. Cấu thành nên dạng địa hình này gồm các thành tạo lục nguyên thuộc hệ tầng Thái Bình.

b. Đặc điểm sông suối

Khu vực mỏ chỉ có sông Hồng chảy qua theo hướng tây bắc - đông nam, lưu lượng phụ thuộc vào các mùa trong năm. Các mương, ngòi nhỏ đổ vào sông Hồng. Các hồ nhân tạo được đắp đập ngăn nước cùng hệ thống thuỷ lợi khá dày đặc đã giúp dân địa phương chủ động có nước tưới tiêu trong canh tác nông nghiệp.

c. Đặc điểm khí hậu

Vùng khai thác mỏ mang đầy đủ đặc điểm của khí hậu vùng Đông bắc: một năm có hai mùa rõ rệt:

Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 4 đến tháng 9; lượng mưa trung bình 1151mm, nhiệt độ trung bình khoảng 280C. Mùa này không thuận lợi cho công tác thăm dò, khai thác khoáng sản.

Mùa đông hanh, khô từ tháng 10 đến tháng 3; lượng mưa trung bình 368mm, nhiệt độ trung bình khoảng 160C. Độ ẩm trung bình 82%. Số giờ nắng trung bình hàng năm 1519giờ/năm. Mùa này khá thuận lợi cho công tác thăm dò, khai thác khoáng sản.

d. Đặc điểm kinh tế xã hội

\*) Đặc điểm giao thông

Hệ thống giao thông trong khu mỏ và vùng ngoại vi tương đối thuận lợi cả về đường bộ và đường thuỷ:

Đường bộ: Đường bộ tới mỏ có thể đi như sau: từ trung tâm Thành phố Việt Trì đến khu mỏ về phía tây theo đường Lạc Long Quân (đường đê) khoảng 6 km đến ngã ba Cao Xá là đến khu mỏ.

Từ đường đê đi ra khu mỏ khoảng 400m, tại đây để đi đến phần diện tích khu mỏ phải di chuyển bằng thuyền và đi bộ.

Ngoài ra các đường liên xã, liên huyện đều được đổ bê tông hoặc đường nhựa đi lại rất thuận tiện. Đường hầu như được trải nhựa, cấp phối đoạn qua sông có cầu cống khá kiên cố và luôn được tu bổ thường xuyên, do vậy có thể dùng xe có tải trọng hàng chục tấn đi lại dễ dàng để vận chuyển nguồn nguyên liệu khai thác được đi tiêu thụ tại thị trường.

Đường thuỷ: Sông Hồng thuộc cấp sông loại 1, tàu bè trọng tải trên 50 tấn đi lại dễ dàng trong mùa nước lớn. Đặc biệt, đường thuỷ theo sông Hồng dùng để chuyên chở hàng hoá trong đó có nguồn nguyên liệu vật liệu cát khai thác dưới lòng sông đi tiêu thụ hoặc chuyên chở về bãi tập kết của Công ty.

\*) Dân cư

Dân cư trong vùng sống tập trung thành từng thôn, xóm và ven đường liên huyện, liên xã. Trong đó, chủ yếu là nghề nông, còn lại số ít là công nhân hoạt động trong các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nhân viên thuộc khối nhà nước. Trình độ dân trí không đồng đều, mức sống của nhân dân thấp còn nhiều khó khăn song dưới sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước mức sống của nhân dân trong vùng ngày càng được cải thiện và nâng cao hơn.

Trong mỗi xã, thị trấn đều có trường phổ thông từ tiểu học đến trung học, con em nhân dân trong vùng được đi học đầy đủ. Hệ thống y tế cũng khá phát triển, mỗi địa phương đều có trạm y tế góp phần khám chữa bệnh và chăm lo sức khoẻ cho nhân dân.

Trong khu mỏ hiện không có dân cư sinh sống, thuận lợi cho công tác thăm dò củng như khai thác sau này.

**(2) Hiện trạng các công trình đê điều, thủy lợi khu vực Dự án**

- Qua quá trình khảo sát hiện trường, chúng tôi nhận thấy vị trí khu mỏ tại khúc sông cong, bùn cát bồi tích giữa lòng sông. Hai bên bờ sông đã được gia cố kè. Bờ sông bên xã Vĩnh Lại đã được kè đá. Vị trí ranh giới mỏ gần nhất cách bờ kè xã Vĩnh Lại khoảng 440m. Khu vực bờ sông dọc theo chiều dài mỏ bên xã Phong Vân, huyện Ba Vì đã được kè lát mái ổn định. Ranh giới mỏ gần nhất cách ranh giới phân chia tỉnh Phú Thọ và Hà Nội khoảng 65m và cách bờ kè xã Phong Vân, huyện Ba Vì khoảng 325m.

- Cách ranh giới dự án về phía Tây khoảng 700m là tuyến đê hữu sông Hồng. Chạy dọc phía ngoài đê là bãi cát bồi có nhiều cây dại mọc, không có người dân sinh sống và không có hoạt động gieo trồng canh tác. Hiện nay, tuyến đê này trên mặt đã được trải thảm bê tông nhựa, mặt đê rộng trung bình 5-8m, ngoài chức năng ngăn lũ còn được sử dụng là tuyến giao thông chính của huyện.

- Cách ranh giới dự án về phía Đông khoảng 500m là tuyến đê tả sông Hồng. Phía ngoài đê nhiều hộ dân đang sinh sống và sử dụng bãi sông làm vườn, trồng cây ăn quả,…

- Hiện trạng lòng, bờ, bãi sông: Tại vị trí khu mỏ cát lòng sông Hồng thuộc xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao nằm tại khúc sông cong, bồi tích giữa lòng sông, hai bên bờ sông hiện trạng đã được gia cố kè chắc chắn, chưa thấy xuất hiện hiện tượng sạt lở, sụt lún.

**(3) Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án**

Dự án có hoạt động khai thác khoáng sản trên sông Hồng, hoạt động khai thác ảnh hưởng đến nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Khi thực hiện dự án chủ đầu tư phải có biện pháp quản lý chất thải triệt để, để không gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sông Hồng.

## 2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư

*a) Nước thải, bụi và khí thải*

* Nước thải

- Nguồn phát sinh: sinh hoạt của CBCNV trên các tàu khai thác, vận chuyển.

- Khối lượng nước thải sinh hoạt cả dự án: 3,06 m3/ngày.

- Tính chất của nước thải: Chất rắn lơ lửng; BOD5; COD; tổng dầu, mỡ khoáng, tổng nitơ, coliform.

* Bụi và khí thải

- Hoạt động của các phương tiện khai thác (tàu hút) và sà lan vận chuyển cát đến bãi tập kết sản phẩm. Thành phần ô nhiễm chính gồm: Bụi, SO2, NO2, CO.

*b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

* Chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: hoạt động sinh hoạt của 68 công nhân trên các phương tiện khai thác, vận chuyển.

- Khối lượng của cả Dự án: 54,4 kg/ngày.

- Thành phần*:* chất hữu cơ, túi nilon, vỏ đồ hộp.

* Chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị của các phương tiện khai thác, vận chuyển.

- Khối lượng của cả Dự án: Dầu, mỡ thải (46,67 lít/tháng); Giẻ lau dính dầu, mỡ (7,5-12,5 kg/tháng).

*c) Tiếng ồn*

-Nguồn phát sinh: Hoạt động của các phương tiện khai thác, vận chuyển.

- Các quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

*d) Các tác động khác*

- Tác động đến lòng, bờ, bãi sông.

- Tác động đến giao thông đường thủy.

- Tác động đến sức khỏe người lao động và sức khỏe cộng đồng.

- Tác động tới kinh tế - xã hội.

### 2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

*a) Thu gom, xử lý nước thải, thu gom nước mưa*

*\*) Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt*

- Tại mỗi phương tiện khai thác, vận chuyển (tàu hút, sà lan) sẽ bố trí khu vệ sinh trên tàu để phục vụ cho vệ sinh cá nhân của công nhân, nghiêm cấm công nhân trên tàu không được phóng uế bừa bãi. Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom vào 01 thùng chứa đặt trên mỗi tàu khai thác, vận chuyển. Thùng chứa nước thải sinh hoạt có dung tích khoảng 1,0 m3 được làm bằng sắt hoặc composite. Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương vận chuyển, xử lý nước thải sinh hoạt khi tàu, sà lan cập bến. Tần suất thu gom xử lý theo quy định.

*\*) Nước mưa chảy tràn cuốn theo dầu mỡ từ các phương tiện khai thác, vận chuyển*

- Trên mỗi phương tiện khai thác, vận chuyển sẽ trang bị: Giẻ thấm dầu, thùng chứa để thu gom dầu rơi vãi.

- Thường xuyên kiểm tra các thùng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để có biện pháp ngăn chặn và thu hồi dầu rò rỉ.

- Không dùng nước để dội rửa tại những vị trí trên các phương tiện khai thác, vận chuyển có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi.

- Vào những tháng mùa mưa khả năng rửa trôi dầu mỡ rơi vãi trên các tàu, sà lan rất dễ xảy ra. Do đó, Công ty xây dựng các biện pháp che chắn an toàn cho những vị trí thường hay rơi vãi dầu mỡ.

*b) Xử lý bụi, khí thải*

- Các biện pháp giảm thiểu tác động của thiết bị khai thác

+ Sử dụng các phương tiện khai thác, vận chuyển (tàu hút, sàn lan) đảm bảo công suất như hồ sơ thiết kế đã được thẩm định.

+ Kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị khai thác trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật.

+ Vận hành máy theo đúng công suất thiết kế và hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Các biện pháp giảm thiểu tác động của các phương tiện vận tải.

+ Các phương tiện vận tải (sà lan) phải được thường xuyên bảo dưỡng, đảm bảo các phương tiện trên vận hành có hiệu quả, giảm thiểu phát sinh bụi và khí thải.

+ Quy định về tốc độ và tải trọng của các phương tiện vận tải (sà lan), yêu cầu lái tàu không chở quá tải trọng và tốc độ quy định.

*- Các biện pháp giảm thiểu tác động tới người lao động*

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho CBCNV theo danh mục nghề ban hành Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về chế độ trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

+ Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động (1 năm/lần) để kịp thời phát hiện các bệnh nghề nghiệp và phòng chống dịch bệnh.

#### c) Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

*\*) Chất thải rắn sinh hoạt*

- Chất thải sinh hoạt được thu gom, phân loại vào thùng chứa (đặt trên tàu hút, sà lan). Chủ đầu tư trang bị trên mỗi phương tiện khai thác, vận chuyển 02 thùng dung tích khoảng 50 lít/thùng (02 thùng/tàu), cụ thể:

+ 01 thùng màu cam: Chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế như: giấy thải, nhựa thải, thủy tinh thải, kim loại thải, cao su thải,...

+ 01 thùng màu xanh: Chứa chất thải sinh hoạt khác như: thức ăn thừa, thực phẩm hỏng,...

- Số lượng: 50 thùng (trong đó: 20 thùng – 10 tàu hút, 30 thùng – 15 sà lan).

- Định kỳ Chủ đầu tư thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

*\*) Chất thải nguy hại*

- CTNH được thu gom, phân loại, đựng vào các thùng chứa (đặt trên tàu hút, sà lan). Chủ đầu tư trang bị trên mỗi phương tiện khai thác, vận chuyển 03 loại thùng dung tích 50 lít để đựng và dán nhãn phân loại riêng 03 loại chất thải phát sinh như sau:

+ 01 thùng dán nhãn mã CTNH và đựng chất thải nguy hại dầu mỡ thải;

+ 01 Thùng dán nhãn mã CTNH và đựng giẻ lau dính dầu, mỡ;

+ 01 Thùng dán nhãn mã CTNH và đựng ắc quy thải.

- Chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Tần suất: tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh trong quá trình khai thác.

#### d. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị hiện đại, giảm thiểu phát sinh tiếng ồn cao;

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy/thiết bị;

- Tuân thủ nghiêm ngặt nội quy và quy trình vận hành các loại máy/thiết bị;

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, quy định tốc độ hợp lý cho các tàu, sà lan vận tải để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh, đặc biệt khi đi qua các khu vực dân cư hoặc lưu thông vào giờ nghỉ;

- Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày từ 7h00 đến 17h00, không được khai thác ban đêm.

- Trang bị dụng cụ chống ồn cho những công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao; kiểm tra mức độ ồn trong khu vực thi công để đặt ra lịch thi công cho phù hợp để đạt mức độ ồn cho phép.

## 2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

### 2.4.1. Tóm tắt chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

Bảng 2. Chương trình giám sát chất lượng môi trường

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KH** | **Vị trí giám sát** | **Thông số** | **Quy chuẩn**  **đánh giá** | **Tần suất** |
|
| **I** | **Giai đoạn vận hành** | | | |
| GS.NM1 | Nước sông Hồng tại thượng lưu (trước khi chảy qua khu vực khai thác) | pH, DO, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD5, COD, tổng dầu mỡ, Coliform | QCVN 08/2023/BTNMT  (mức A) | 03 tháng/  01 lần |
| GS.NM2 | Nước sông Hồng tại hạ lưu (sau khi chảy qua khu vực khai thác) |
| GS.NM3 | Nước sông Hồng tại khu vực khai thác |
| **II** | **Giai đoạn cải tạo , phục hồi môi trường** | | | |
| GS.NM1 | Nước sông Hồng tại khu vực CPM | pH, DO, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), BOD5, COD, tổng dầu mỡ, Coliform | QCVN 08/2023/BTNMT  (mức A) | 03 tháng/  01 lần |
| GS.NM2 | Nước sông Hồng tại hạ lưu (sau khi chảy qua khu vực CPM) |

**Giám sát khác:**

- Giám sát các loại chất thải phát sinh (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại): Khối lượng và thành phần chất thải, công tác thu gom của đơn vị có chức năng.

- Giám sát các biện pháp đảm bảo ATLĐ trong quá trình triển khai Dự án.

- Giám sát thi công và vận hành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án.

- Giám sát thường xuyên các hiện tượng trượt, sụt, xói lở, bồi lắng...tại khu vực khai thác và bờ sông dọc ranh giới các khu vực khai thác.

- Giám sát địa hình đáy sông tối thiểu 02 mặt cắt khu vực khai thác cùng thời điểm với đo vẽ mặt bằng 06 tháng/lần.

- Giám sát địa hình đáy sông khu vực khai thác cùng thời điểm với đo vẽ mặt bằng.

- Giám sát việc chuyên chở cát từ khu khai thác đến bãi tập kết.

- Giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

### 2.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

**\*) Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ sông**

* Biện pháp phòng ngừa

Trước khi tiến hành khai thác phải tiến hành chụp ảnh, quay phim hiện trạng khu vực đường bờ làm căn cứ giám sát trong quá trình khai thác;

Chủ dự án đề xuất phương án thực hiện khai thác như sau:

- Phạm vi khai thác:

+ Khai thác tại lòng sông Hồng, diện tích khu vực khai thác 19,9 ha thuộc xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ cam kết không tiến hành khai thác ngoài ranh giới các khu vực được cấp phép;

+ Độ sâu thấp nhất tại các khu vực khai thác tuân thủ theo độ sâu khối trữ lượng đã được UBND tỉnh phê duyệt cụ thể: Mức sâu thấp nhất tại các khu vực khai thác tại cốt +2,0m).

- Quy mô khai thác: 70.000 m3/tháng.

- Thời gian khai thác

+ Tuổi thọ mỏ: 5,28 tháng;

+ Số ngày làm việc trong tháng: 30 ngày.

- Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày:

+ Trước ngày 01/3/2025: Từ 07 giờ (sáng) đến 17 giờ (chiều); Không được khai thác vào ban đêm.

+ Từ ngày 01/3/2025: Từ 05 giờ (sáng) đến 19 giờ (chiều).

- Công nghệ khai thác: Khai thác bằng tàu hút, vận chuyển bằng sà lan về nơi tiêu thụ chiều dài quãng đường khoảng 9 km.

- Các yêu cầu trong quá trình khai thác

+ Quá trình khai thác, đảm bảo góc nghiêng sườn tầng khai thác < 300 và góc nghiêng sườn tầng kết thúc < 250;

+ Trình tự khai thác: Khai thác cát theo thứ tự các khoảnh khai thác được phân chia theo luồng dọc theo chiều Nam lên Bắc và hướng khai thác từ Đông sang Tây (khai thác dọc theo hướng chảy của sông Hồng và từ giữa dòng vào hướng bờ, bãi bồi). Trình tự khai thác từng lớp theo hướng từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong. Để giảm dòng chảy xoáy nước, với những khu vực có chiều dày lớp cát ≥ 3m, trình tự khấu được thực hiện thành các phân tầng khai thác với chiều sâu mỗi phân tầng từ 1,5m÷2,5m.

- Cam kết thực hiện:

+ Cam kết khai thác đúng theo ranh giới diện tích 19,9 ha;

+ Cam kết khai thác theo đúng độ sâu phê duyệt trữ lượng;

+ Cam kết khai thác theo đúng công suất đã được cấp phép. Tuyệt đối không khai thác vượt công suất cho phép.

+ Lắp đặt hệ thống phao neo định vị ranh giới khu vực khai thác. Số lượng phao neo là 04 cái;

+ Tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản của UBND tỉnh Phú Thọ cấp về ranh giới, trữ lượng, công suất và độ sâu khai thác;

+ Nghiêm cấm việc khai thác tập trung lâu ngày tại một chỗ, tránh khoét sâu đáy sông tại một chỗ để tránh tạo các hố xoáy đột biến, sẽ tạo hàm ếch trong tầng đáy;

+ Neo đậu sà lan đúng quy định của Luật giao thông đường thủy nội địa;

+ Thường xuyên kiểm tra bờ sông theo dõi nếu có hiện tượng sạt lở sẽ ngừng khai thác và báo cáo cơ quan chức năng để có hướng dẫn xử lý. Tần suất kiểm tra và theo dõi sạt lở bờ sông là 02 lần/01 tháng và thực hiện trước mùa mưa bão hoặc trước thông tin có các trận bão lớn;

+ Vào mùa mưa bão phải dừng khai thác và lên phương án phòng chống và ứng cứu cụ thể nhằm hạn chế những sự cố đáng tiếc có thể xảy ra;

+ Chủ dự án cam kết quá trình khai thác không gây sạt lở bờ, trong trường hợp xảy ra sự cố do thiên nhiên hoặc do quá trình khai thác. Công ty sẽ tạm dừng khai thác và phối hợp với các cơ quan liên quan khắc phục sự cố, sau quá trình khắc phục sự cố hoàn thành mới tiến hành khai thác trở lại.

* **Biện pháp ứng phó**

Trong trường hợp xảy ra sạt lở, chủ Dự án sẽ áp dụng đồng bộ các giải pháp sau:

- Tạm dừng quá trình khai thác và báo cáo ngay với chính quyền địa phương và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động tới lòng, bờ, bãi sông, báo cáo UBND Tỉnh xem xét, quyết định;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tiến hành khắc phục, ứng phó trong trường hợp xảy ra sạt lở, các công việc bao gồm:

+ Khoanh vùng và cắm biển cảnh báo nguy hiểm (đối với khu vực xảy ra sạt lở), huy động lực lượng tại chỗ ứng trực tại hiện trường ngăn không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở đã được khoanh vùng;

+ Thi công xây dựng công trình bảo vệ bờ sông nơi xảy ra sạt lở;

+ Thực hiện công tác điều tiết, đảm bảo giao thông tại khu vực xảy ra sạt lở.

- Trong trường hợp sạt lở gây ảnh hưởng tới đất canh tác của người dân, Công ty cam kết khắc phục sự cố sạt lở, đồng thời tiến hành bồi thường thiệt hại cho người dân.

* **Biện pháp ứng phó sự cố tràn dầu**

Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn dầu được xây dựng trên cơ sở hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ- TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và Kế hoạch số 1302/KH-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về Ứng phó sự cố tràn dầu của tỉnh Phú Thọ, cụ thể: ngăn chặn nguồn phát ra dầu tràn, dập cháy khoanh vùng khu vực dầu tràn; thu hồi dầu tràn; tổ chức khắc phục hậu quả và môi trường.

*\* Nguyên tắc ứng phó:*

- Tiếp nhận thông tin đánh giá, kết luận cụ thể, rõ ràng, chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch ứng phó sát, đúng, phát huy sức mạnh tổng hợp theo phương châm “4 tại chỗ” ứng phó kịp thời hiệu quả.

- Báo cáo kịp thời theo quy định.

- Phối hợp, huy động mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả chuẩn bị và ứng phó sự cố tràn dầu, ưu tiên các hoạt động để cứu người bị nạn và bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo an toàn cho người, phương tiện.

- Chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó

*\* Biện pháp ứng phó:*

Khi nhận được thông tin về sự cố tràn dầu xảy ra tại khu vực khai thác hoặc trên tuyến đường vận tải, Chủ dự án (chủ cơ sở) huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ của Dự án để ứng phó sự cố, đồng thời báo cáo Văn phòng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Phú Thọ. Trường hợp lượng dầu tràn ra lớn vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở, Chủ cơ sở đề nghị Văn phòng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Phú Thọ huy động lực lượng, phương tiện của Tỉnh cùng tham gia ứng phó, theo Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, ban hành tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ), các lực lượng tham gia ứng phó được tổ chức thành các bộ phận sau:

*- Ngăn chặn nguồn phát ra dầu tràn, dập cháy:* Ngay sau khi nhận được thông báo về sự cố tràn dầu xảy ra. Văn phòng Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh lệnh cho chủ cơ sở, sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ nhanh chóng ngăn chặn nguồn dầu tràn và dập cháy (nếu có).

*- Khoanh vùng khu vực dầu tràn:* Chủ cơ sở sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ, lực lượng huy động và lực lượng tăng cường (nếu có) triển khai phao quây chặn dầu, chăn thấm dầu.... để ngăn chặn không cho dầu tràn ra môi trường; phối hợp với các cơ quan chức năng thông báo, cảnh báo, sơ tán người, tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm.

*- Thu hồi dầu tràn:* sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ, lực lượng lực lượng huy động và lực lượng tăng cường (nếu có) phao quây dầu, chăn thấm dầu....để thu hồi dầu.

*- Phương tiện ứng phó tại chỗ:*

- Chủ đầu tư trang bị trên mỗi phương tiện khai thác, vận chuyển: 02 chăn thấm hút dầu (thu dầu trên tàu khi xảy ra sự cố), 01 hệ thống phao quây (vây dầu) có chiều dài khoảng 240m; 02 bình bọt CO2; 02 phao tròn, 02 phao cứu sinh, 04 áo phao.

*- Tổ chức khắc phục hậu quả và môi trường*: Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, chủ cơ sở và chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố, đánh giá mức độ ảnh hưởng, xác định biện pháp và tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường, bảo đảm an toàn, sức khỏe, đời sống an sinh cho nhân dân, an toàn vệ sinh cho cộng đồng và môi trường khu vực xảy ra sự cố.

**\*) Biện pháp phòng ngừa sự cố do thiên tai (bão, lũ lụt, ....)**

Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về thiên tai trên các phương tiện truyền thông. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố trong trường hợp xảy ra bão, lũ lụt;

Tuân thủ các hướng dẫn về phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

Tuân thủ nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản quy định tại Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTTT ngày 27/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác;

Tuân thủ trách nhiệm bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản được quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư số 13/2021/TT-BNNPTTT ngày 27/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Di chuyển máy móc, thiết bị đến nơi có địa hình cao/các khu vực an toàn trước thông tin các cơn bão lớn;

Không tiến hành khai thác, chế biến trong mùa mưa/bão và những thời điểm nước sông lên cao trong năm.

## 2.5. Các nội dung khác

*\*) Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:*

San gạt tạo phẳng đáy khai trường, gia cố bờ sông bằng cụm cây, rọ đá khi xảy ra sạt lở. Nội dung cải tạo phục hồi môi trường:

Bảng3. Tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| **1** | **Cải tạo khu vực khai thác** |  |  |
| - | Di chuyển máy, thiết bị ra khỏi khu vực khai thác | cái | 05 |
| - | Di chuyển hệ thống phao neo ra khỏi ranh giới khu vực khai thác | cái | 04 |
| - | Đo vẽ địa hình đáy sông | ha | 23,88 |
| - | San gạt tạo phẳng đáy khai trường | m3 | 9.950 |
| - | Làm biển cảnh báo mỏ kết thúc khai thác | cái | 01 |
| **2** | **Gia cố bờ sông (nếu có)** | m | 500 |
| - | Cụm cây | Cụm | 125 |
|  | Rọ đá hộc, thể tích 0,5m3 | Rọ | 125 |

Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của dự án là **909.074.000** đồng.

Dự án “Đầu tư khai thác mỏ cát lòng sông Hồng” thuộc địa phận xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường tại Quyết định số 3093/QĐ-UBND ngày 21/11/2016, cụ thể:

- Tổng số tiền ký quỹ là: 839.904.717 đồng (số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2016).

- Số lần kỹ quý: 24 lần.

- Tính đến ngày 09/5/2025, chủ dự án đã nộp tổng số tiền là: 407.610.173 đồng vào Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ.

- Theo quy định tại Điểm a) Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: tuổi thọ mỏ có thời hạn dưới 1 năm: mức ký quỹ lần đầu 100% số tiền cải tạo phục hồi môi trường là 909.074.000 - 407.610.173 = **501.463.827 đồng.**

Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ.

## 3. Cam kết của Chủ dự án

Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các Quy chuẩn Việt Nam về môi trường, Công ty Cổ phần Đại Bảo Phú Thọ cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện Dự án như sau:

- Tổ chức lao động và vệ sinh môi trường tốt để tránh gây ô nhiễm môi trường do công nhân và các máy móc/thiết bị xây dựng gây ra.

- Thu gom và xử lý các loại chất thải thải rắn, chất thải dầu mỡ phát sinh trong giai đoạn xây dựng và vận hành khai thác.

- Lựa chọn, sử dụng các thiết bị mới, đảm bảo không rò rỉ nhiên liệu, dầu mỡ động cơ ra ngoài môi trường.

- Quản lý, giáo dục tốt công nhân trong mối quan hệ với người dân địa phương.

- Chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý môi trường của Nhà nước và chính quyền địa phương về các vấn đề môi trường của dự án.

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn về cháy nổ cho khu vực không để xảy ra sự cố cháy nổ.

- Tổ chức quan trắc chất lượng môi trường thường xuyên: Không khí, độ ồn, nước mặt, môi trường làm việc và định kỳ báo cáo Sở NNMT tỉnh Phú Thọ về kết quả quan trắc.

- Cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thời gian khai thác (từ 7h sáng đến 17h, không khai thác ban đêm).

- Cam kết ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định, thực hiện cải tạo phục hồi môi trường đúng theo phương án đã được phê duyệt.

- Cam kết khắc phục nếu trong quá trình khai thác xảy ra hiện tượng sạt lở bờ bãi.

- Cam kết thỏa thuận với chính quyền địa phương về sử dụng đường giao thông trong quá trình vận chuyển cát.

- Chịu sự giám sát của các cơ quan quản lý môi trường của Trung ương và địa phương, đồng thời cộng tác tốt với các cơ quan này trong công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường và an toàn.

- Các cam kết thực hiện và hoàn thành các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án.

- Cam kết đến bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi do môi trường xảy ra do triển khai dự án.

- Chủ đầu tư xin cam kết điều chỉnh nội dung báo cáo Nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án “Điều chỉnh nâng công suất khai thác mỏ cát lòng sông Hồng thuộc địa phận xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ” để phù hợp với báo cáo ĐTM và thực hiện nội dung theo báo cáo nghiên cứu khả thi được điều chỉnh.

- Cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung theo ý kiến tham vấn của người dân chịu tác động của dự án và có cam kết cụ thể việc khắc phục, hỗ trợ, bồi thường hậu quả tác động của dự án gây ra trong quá trình khai thác.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Chủ đầu tư xin cam kết các số liệu trong báo cáo hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ giấy tờ kèm theo báo cáo trước pháp luật.

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**